BÁO CÁO RÀ SOÁT ĐẦU TƯ VÀ CHI TIÊU CÔNG CHO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (CPEIR) – GIAI ĐOẠN 2016-2020 – TỈNH KIÊN GIANG

1. Tình hình biến đổi khí hậu ở Kiên Giang

Giới thiệu chung về tỉnh Kiên Giang

Là tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, Kiên Giang là tỉnh ven biển Tây Nam của Việt Nam, Trung tâm tỉnh là thành phố Rạch Giá, cách Thành phố Hồ Chí Minh 250 km về phía Tây. Kiên Giang tiếp giáp Campuchia ở phía Bắc với đường biên giới dài 54 km, Vịnh Thái Lan ở phía Tây có đường bờ biển dài hơn 200 km.

Năm 2018, dân số Kiên Giang là khoảng 1,8 triệu người, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đầu người đạt 48,2 triệu VNĐ (tương đương 2.094 USD), tổng giá trị GRDP toàn tỉnh là 87,3 nghìn tỉ VNĐ (3,79 tỉ USD), tốc độ tăng trưởng GRDP đạt năm 2018 đạt 7,51%.

KVới ngành nghề đánh bắt hải sản rất phát triển và diện tích biển khoảng 63.000 km^2, Kiên Giang cho thấy tiềm năng rất phong phú để phát triển các lĩnh vực của nền kinh tế xanh.

Trong những năm gần đây, Kiên Giang phát triển theo định hướng tăng dần tỷ trọng phi nông nghiệp và giảm dần tỷ trọng nông nghiệp. Theo thống kê, khu vực nông lâm ngư nghiệp giảm từ 37% năm 2018 xuống còn 36% năm 2019, khu vực công nghiệp, xây dựng tăng từ 26,6% lên 28,7% và khu vực dịch vụ giảm nhẹ từ 36,4% xuống 35,3%.

Tác động của biến đổi khí hậu đến tỉnh Kiên Giang

Nằm ở hạ lưu sông Mê Kông, nhưng đồng thời cũng là đầu nguồn của triều biển Tây (Vịnh Thái Lan), trong những năm qua Kiên Giang đã chịu ảnh hưởng đáng kể của biến đổi khí hậu, đặc biệt là hiện tượng xâm ngập mặn, triều cường, khô hạn, lốc xoáy, lũ lụt… thường xuyên xảy ra với mức thiệt hại ngày càng tăng.

Hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu ở tỉnh Kiên Giang[1]

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, Kiên Giang tập trung vào 02 nhiệm vụ chính là: 1) tổ chức hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu cho bộ máy quản lý các cấp và cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh và 2) xác định các dự án cần ưu tiên đầu tư cho biến đổi khí hậu như đầu tư xây dựng công trình cống Sông Kiên, cống Kênh Cụt và cống Kinh Nhánh (thành phố Rạch Giá), dự án "Đầu tư nâng cấp đê biển từ Hà Tiên đến Tiểu Dừa" vẫn đang trong giai đoạn thiết kế, dự án "Quản lý tổng hợp vùng bờ tỉnh Kiên Giang ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng" v.v.

[1] Theo Bộ TNMT: https://www.cantho.gov.vn/wps/wcm/connect/sotnmt/sub+site/sitemenu/linhvucquanly/khituongthuyvan/kien+giang+-+can+3000+ty+dong+ung+pho+voi+bdkh

Theo báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang, hiện nay tỉnh có nhiều chương trình, dự án, kế hoạch về ứng phó biến đổi khí hậu được các sở, ngành quản lý, trong đó có một số dự án được tổ chức hợp tác quốc tế Đức - GIZ tài trợ thực hiện. Tuy nhiên, do không tập trung về một đầu mối nên khó theo dõi tiến độ cũng như đánh giá hiệu quả. Tiến độ triển khai một số dự án đầu tư ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng từ nguồn ngân sách Trung ương còn chậm hoặc chưa được bố trí vốn để triển khai thực hiện.

Việc xây dựng thành công các dự án công trình ứng phó với biến đổi khí hậu tại Kiên Giang chắc chắn sẽ góp phần kiểm soát mặn và tiêu thoát nước thải, từng bước khép kín tuyến đê biển đoạn đi qua thành phố Rạch Giá, kết hợp hình thành tuyến đường giao thông ven biển nối liền các cụm kinh tế, dân cư, đô thị ven biển, đảm bảo an ninh, quốc phòng, phát triển du lịch.

2. Tổng hợp dữ liệu về đầu tư biến đổi khí hậu ở Kiên Giang

2.1 Nguồn ngân sách đầu tư cho BĐKH

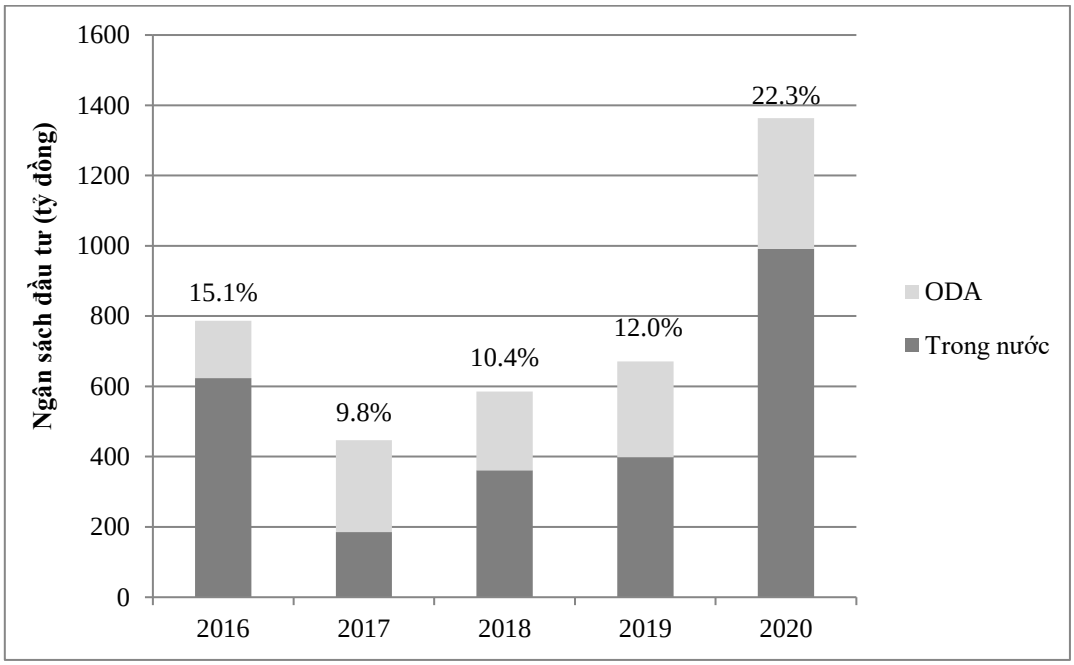

Hình 1: Tổng ngân sách đầu tư cho biến đổi khí hậu tại Kiên Giang *– (phần trăm chi ngân sách cho biến đổi khí hậu trên tổng chi ngân sách cho đầu tư phát triển của tỉnh được biểu thị bởi giá trị (%) trên cùng của mỗi cột)*

Bảng 1: Đầu tư cho cho biến đổi khí hậu tại Kiên Giang theo từng năm từ 2016-2020 và theo nguồn vốn

Năm	Đầu tư trong nước cho BĐKH (tỷ đồng)	Đầu tư nước ngoài cho BĐKH (tỷ đồng)	Tổng đầu tư cho BĐKH (vốn trong và ngoài nước) (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn đầu tư trong nước cho BĐKH (%)	Tỷ lệ vốn đầu tư nước ngoài cho BĐKH (%)	Tổng đầu tư công của tỉnh (tỷ đồng)	Tỷ lệ đầu tư cho BĐKH trên tổng đầu tư công của tỉnh (%)
2016	623,9	162,9	786,8	79,3	20,7	5.226,6	15,1
2017	185,7	261,3	446,9	41,5	58,5	4.538,9	9,8

Năm	Đầu tư trong nước cho BĐKH (tỷ đồng)	Đầu tư nước ngoài cho BĐKH (tỷ đồng)	Tổng đầu tư cho BĐKH (vốn trong và ngoài nước) (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn đầu tư trong nước cho BĐKH (%)	Tỷ lệ vốn đầu tư nước ngoài cho BĐKH (%)	Tổng đầu tư công của tỉnh (tỷ đồng)	Tỷ lệ đầu tư cho BĐKH trên tổng đầu tư công của tỉnh (%)
2018	361,6	223,9	585,6	61,8	38,2	5.619,2	10,4
2019	398,7	272,4	671,1	59,4	40,6	5.582,6	12,0
2020	991,6	371,9	1.363,5	72,7	27,3	6.109,0	22,3

Chi đầu tư cho BĐKH bình quân hàng năm giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Kiên Giang là khoảng 770 tỷ đồng/năm. Ngân sách đầu tư cho biến đổi khí hậu tập trung nhiều nhất vào năm 2020 (khoảng 1.364 tỷ đồng), trong khi thấp nhất vào năm 2017 (khoảng 447 tỷ đồng).

Giai đoạn 2016-2020, chi đầu tư cho biến đổi khí hậu bằng nguồn vốn trong nước bình quân là 512 tỷ đồng, chiếm tới khoảng 67% tổng giá trị đầu tư, nguồn ODA đóng góp ít hơn, khoảng 259 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 33%. Tỉ trọng đầu tư tư nguồn ODA thay đổi từ 20,7% năm 2016, cao nhất đến 58,5% vào năm 2017.

Tỷ trọng chi đầu tư cho biến đổi khí hậu trên tổng chi đầu tư phát triển của tỉnh thay đổi theo năm, từ 10% - 22,0% (trung bình 14%).

2.2 Chi ngân sách cho biến đổi khí hậu, theo mục đích chi

a) Phân bổ loại dự án cho "thích ứng", "giảm thiểu" hoặc cho cả "thích ứng" và "giảm thiểu"

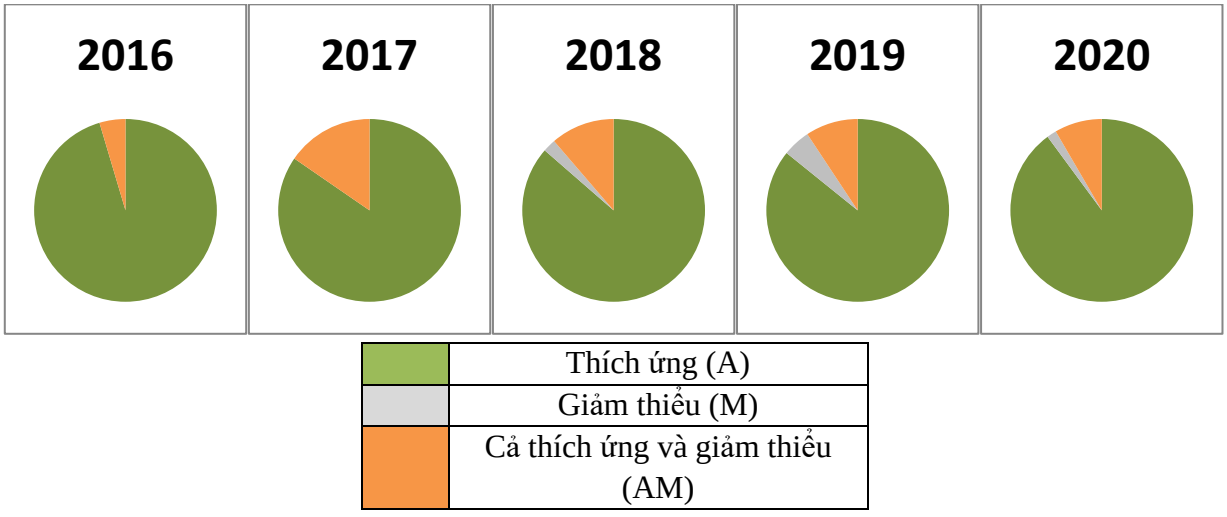

Hình 2: Chi đầu tư cho thích ứng và giảm thiểu (Đơn vị: %)

Số liệu chi tiết đầu tư cho biến đổi khí hậu theo thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu (để tham khảo)

Đơn vị: Tỷ đồng	2016		2017		2018		2019		2020	
Thích ứng	750,5	95,4%	377,9	84,6%	506,1	86,4%	576,0	85,8%	1,225,8	89,9 %
Giảm thiểu	-	0,0%	-	0,0%	13,6	2,3%	32,8	4,9%	23,8	1,7

Đơn vị: Tỷ đồng	2016		2017		2018		2019		2020	
										%
Thích ứng & Giảm thiểu	36,3	4,6%	69,0	15,4%	65,9	11,3%	62,3	9,3%	113,9	8,4 %

Có thể thấy rằng, phần lớn đầu tư liên quan đến biến đổi khí hậu thuộc lĩnh vực thích ứng, chiếm gần 90%. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh có một số dự án đầu tư liên quan đến lĩnh vực giảm nhẹ, với tổng vốn đầu tư lên đến hơn 70 tỷ đồng, đó là những dự án về quản lý, xử lý chất thải sinh hoạt và chất thải bệnh viện và một số các dự án hỗn hợp, liên quan đến cả lĩnh vực thích ứng và giảm nhẹ BĐKH với tổng mức đầu tư lên tới gần 350 tỷ đồng, đó là các dự án về phát triển rừng phòng hộ ven biển, các dự án về thu gom, xử lý chất thải, phát triển và phục hồi các đai rừng ngập mặn v.v.

b) Phân bổ cho các nhiệm vụ chi đầu tư thực hiện ứng phó với biến đổi khí hậu (CCD)

Chi đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu, trung bình hằng năm giai đoạn 2016 – 2020 (đơn vị: tỷ đồng)

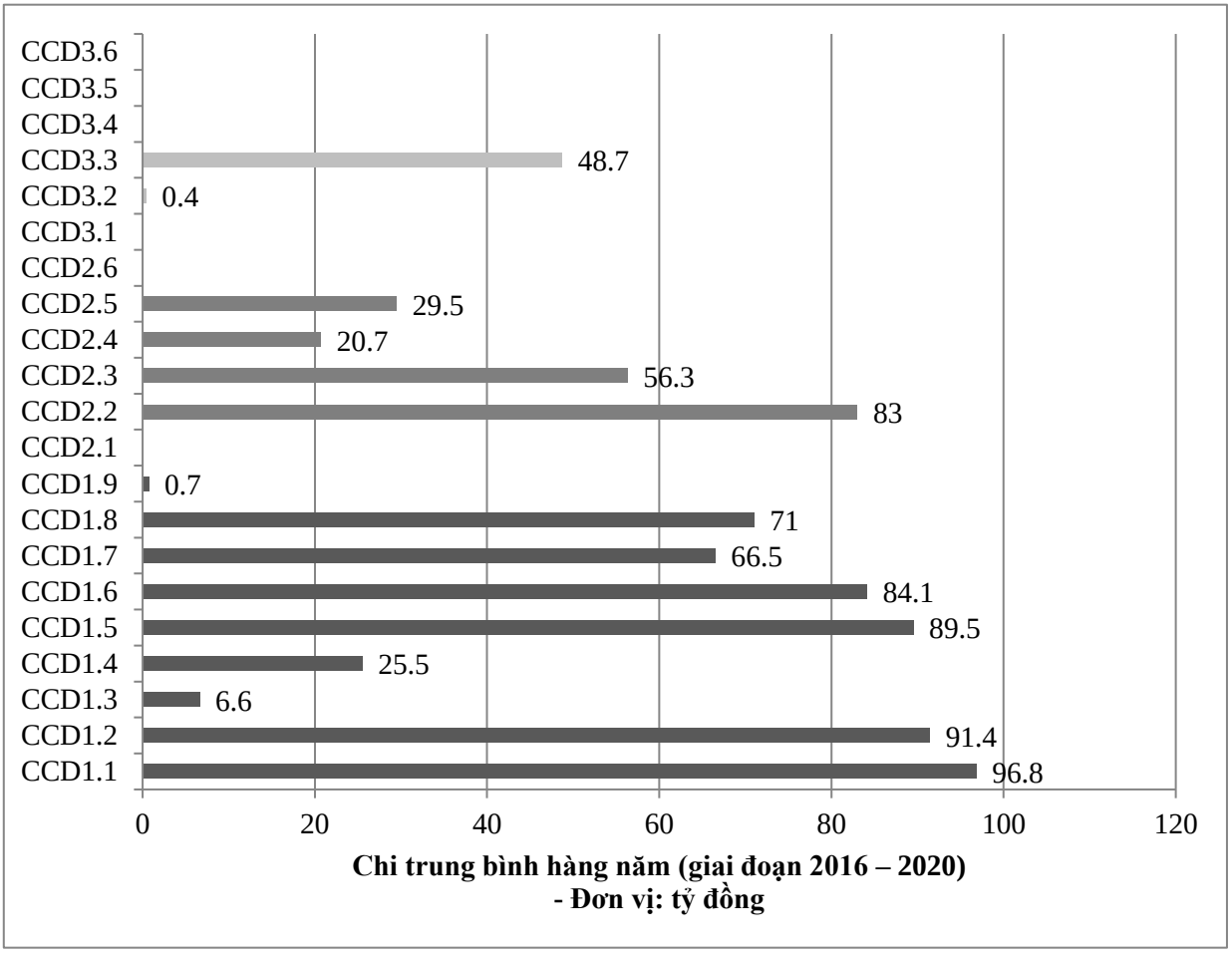

Đầu tư cho biến đổi khí hậu tại Kiên Giang khá đa dạng về lĩnh vực, với 15 chủ đề được đầu tư. Dưới đây là một số lĩnh vực trọng tâm, chiếm tỷ gần 60% tổng đầu tư bao gồm:

- CCD 1.1 (Bảo vệ bờ biển và đê ven biển; đầu tư 96,8 tỷ đồng/năm, chiếm tỷ trọng 12,6%),
- CCD 1.2 (Xâm nhập mặn; đầu tư 91,4 tỷ đồng /năm chiếm 11,9%),
- CCD 1.5 (Chất lượng và cung cấp nước; đầu tư 89,5 tỷ đồng /năm, chiếm 11,6%),

- CCD 1.6 (Phát triển nông thôn và an ninh lương thực; đầu tư 84,1 tỷ đồng; chiếm 10,9%) và
- CCD 2.2 (Tính chống chịu của các khu vực thành phố và dân cư; đầu tư 83,0 tỷ đồng; chiếm 10,8%) và

Mười (10) lĩnh vực khác được đầu tư rải rác, giá trị đầu tư từ dưới 1 tỷ đồng/năm tới 71 tỷ đồng/năm.

Kết quả rà soát cho chúng ta thấy đầu tư cho BĐKH ở Kiên Giang tập trung vào nhiều lĩnh vực, có một số lĩnh vực phù hợp với nội dung của Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh (viết tắt là GGAP) như CCD 1.6 và CCD 2.2 được mô tả ở trên. Các dự án đầu tư này phù hợp với điều kiện tự nhiên và tình hình kinh tế của địa phương, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, ứng phó với biến đổi khí hậu (chủ yếu là thích ứng) và tăng trưởng xanh.

2.3 Chi ngân sách từ nguồn vốn ODA

Dưới đây là 05 (năm) dự án ODA lớn nhất cho biến đổi khí hậu (Tên dự án, nguồn vốn, giai đoạn đầu tư, tỷ trọng trong tổng đầu tư từ ODA):

1. Dự án Nâng cấp đô thị vùng Đồng bằng Sông Cửu Long - Tiểu dự án Tp. Rạch Giá (2016-2020, 31,9%)
2. Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL (MD_ICRSL)- WB9 (2016-2020, 26,1%)
3. Công trình Kiểm soát mặn ven biển Tây trên địa bàn Rạch giá, Châu Thành và Kiên Lương (hạng mục: Cống Kênh Nhánh và cống rạch Tà Niên) (2016-2020, 16,2%)
4. Dự án bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển Hòn Đất - Kiên Hà giai đoạn 2016-2020 (2016-2020, 13,3%)
5. Dự án khôi phục và phát triển rừng phòng hộ ven biển tỉnh Kiên Giang GĐ 2015-2020 (2016-2020, 5,1%)

2.4 Các công cụ lập kế hoạch và chính sách

Công cụ	Có (√)/ Không (X)
CTMTQG về BĐKH tại địa phương, báo cáo cho giai đoạn 2015	√
Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu (CCAP)	X
Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh (GGAP)	√
Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris (PIPA)	X
Khác: không	